

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Bảo Y, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Quận T, thành phố Đ, Đài Loan.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Anh Vũ Thành S, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Tăng Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10/04/2021 (đơn có chứng thực của*

Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Vũ Thị Bảo Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 07/10/2010 chị đã kết hôn với anh Tăng Văn Q tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống chị nhận thấy anh thường ham chơi không quan tâm đến công việc cũng như gia đình. Hoàn cảnh gia đình khó khăn vì không tìm được tiếng nói chung và cảm thấy kinh tế không đủ lo cho các con ăn học nên cuối năm 2017 chị đi lao động tại Đài Loan với mong muốn đủ lo cho các con ăn học và cũng mong muốn anh Q thay đổi nhưng đến nay gần 5 năm anh Q vẫn không thay đổi, không chịu làm ăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/06/2015. Hiện nay con chung đang ở với gia đình anh Q. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tăng Đức T. Do hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị ủy quyền cho anh Vũ Thành S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu và hàng tháng chị gửi tiền về chăm sóc các cháu. Chị Y không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, chị Y còn trình bày: Do hiện tại chị đang làm việc tại Đài Loan không thể về Việt Nam tham gia các phiên kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án, chị xin vắng mặt và ủy quyền cho anh Vũ Thành S, sinh ngày 14/09/1989 thay chị đến Tòa án nộp đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, nộp tiền tạm ứng án phí và nhận các văn bản tố tụng của Tòa và có trách nhiệm báo cho chị các văn bản trên và ủy quyền cho anh Vũ Thành S giải quyết vấn đề con chung trong vụ án này.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* *Bị đơn anh Tăng Văn Q trình bày:* Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về yêu cầu khởi kiện của chị Y và giấy báo đến làm việc, nhưng do anh đi làm và dịch bệnh phức tạp nên anh không thể đến Tòa theo thời gian làm việc đã ấn định.

Về quan hệ hôn nhân theo yêu cầu khởi kiện của chị Y: Anh không có ý kiến gì đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/6/2015. Hiện nay các con chung đang ở với gia đình anh, các cháu học tập và phát triển bình thường. Ly hôn chị Y đề nghị được nuôi cháu T còn anh nuôi cháu Q thì anh không đồng ý vì hiện nay chị Y đang ở bên nước ngoài không thể nuôi con chung. Khi các cháu còn nhỏ thì chị Y không quan tâm, chị Y đi nước ngoài khi các cháu mới được 01 năm tuổi. Vậy anh đề nghị được nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh có đủ điều kiện nuôi con chung, mẹ anh vẫn giúp đỡ anh trong việc trông nom các cháu học hành.

Về tài sản chung, công nợ không có.

Do bận công việc nên anh xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án, trong các phiên tòa xét xử của tòa án.

Tại biên bản làm việc với cháu Trọng và cháu Q: Cháu Trọng và cháu Q đều có nguyện vọng được ở bố và bà nội, các cháu vẫn phát triển bình thường.

* *Tại phiên tòa*, chị Vũ Thị Bảo Y và anh Q xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Vũ Thị Bảo Y được ly hôn anh Tăng Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/06/2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: chị Y trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Vũ Thị Bảo Y phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị Bảo Y là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Tăng Văn Q. Bị đơn anh Tăng Văn Q là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do nguyên đơn chị Vũ Thị Bảo Y đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Vũ Thị Bảo Y trình bày: Chị kết hôn với anh Tăng Văn Q trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/10/2010 tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống chị nhận thấy anh Q thường ham chơi không quan tâm đến công việc cũng như gia đình. Hoàn cảnh gia đình khó khăn vì không tìm được tiếng nói chung và cảm thấy kinh tế không đủ lo cho các con ăn học, nên cuối năm 2017 chị đi lao động tại Đài Loan với mong muốn đủ lo cho các con ăn học và cũng mong muốn anh Q thay đổi nhưng đến nay gần 5 năm anh Q vẫn không thay đổi, không chịu làm ăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Bảo Y Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Y và anh Tăng Văn Q đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Chị Y khởi kiện xin ly hôn anh Q, anh Q cũng đồng ý. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, xử cho chị Vũ Thị Bảo Y được ly hôn anh Tăng Văn Q.

[4]. Về con chung: Chị Vũ Thị Bảo Y và anh Tăng Văn Q có hai con chung là cháu Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/06/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Q. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi cháu T và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có nguyện vọng nuôi hai con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Y và anh Q. Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Y không ở Việt Nam không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Mặt khác, từ khi chị Y đi lao động nước

ngoài hai con chung vẫn do anh Q nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển bình thường. Cháu T trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn. Anh Q cũng đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên căn cứ dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Tăng Văn Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/06/2015 là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Y, anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Y là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Y về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị Y có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Vũ Thị Bảo Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Bảo Y được ly hôn anh Tăng Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Tăng Đức T, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Tăng Đức Q, sinh ngày 12/06/2015 cho anh Tăng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị Bảo Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị Bảo Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Tăng Văn Q không yêu cầu.

Trường hợp chị Y về Việt Nam, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung. Chị Y có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Bảo Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/000051 ngày 07/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Bảo Y hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Tăng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã N, huyện S;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

